TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DSST
Ngày 16 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC-TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thảo Phương;

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022; về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thùy T, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Tổ B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1990, địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Đỗ Thùy T theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 8 năm 2022.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hữu Duy L, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Tổ B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thúy O, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Tổ B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông T1 có mặt, còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện cho nguyên đơn bà Đỗ Thùy T trình bày: Ngày 17 tháng 4 năm 2020, bà T có cho ông Trần Hữu Duy L vay số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà T có cho ông L vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng, hai lần vay tiền các bên không lập văn bản, lãi suất cả hai lần vay đều 3%/tháng, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 8 năm 2021. Trong quá trình vay ông L đã trả cho bà T được số tiền lãi 26.000.000 đồng, cụ thể:

Tháng 05 năm 2021, ông L trả 3.000.000 đồng.

Tháng 06 năm 2021, ông L trả 3.000.000 đồng.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, ông L trả 20.000.000 đồng.

Ông L chưa trả tiền gốc, mục đích ông L vay tiền là để chi tiêu cá nhân, việc vay tiền không có mặt vợ ông L. Sau ngày 31 tháng 8 năm 2021, bà T có điện thoại, có gặp trực tiếp ông L yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L vẫn không thực hiện.

Do ông Trần Hữu Duy L vay tiền không trả đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thùy T nên bà T khởi kiện ban đầu, khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Hữu Duy L và bà Nguyễn Thúy O liên đới trả cho bà T 180.060.000 đồng (Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng + nợ lãi 30.060.000 đồng). Tại phiên tòa ông T1 đồng ý tính lại lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 26.000.000 đồng mà ông L đã trả cho bà T. Đồng thời, rút phần khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Nguyễn Thúy O cùng liên đới với ông L trả nợ cho bà T. Ngoài ra, bà T còn yêu cầu ông L tiếp tục tính lãi từ ngày 31 tháng 8 năm 2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 1,67%/tháng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, đưa ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa. Do đó, việc bà Đỗ Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Hữu Duy L phải trả cho bà T số tiền gốc và lãi, sau khi tính lại lãi số tiền 26.000.000 đồng mà ông Trần Hữu Duy L đã trả cho bà Đỗ Thùy T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thùy T.

Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của

pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thùy T đối với bị đơn ông Trần Hữu Duy L vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu: Đây là tranh chấp vay tài sản giữa bà Đỗ Thùy T với ông Trần Hữu Duy L vẫn còn thời hiệu được quy định tại Điều 184, 185 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Trần Hữu Duy L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy O đã được Tòa án thông báo hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông L, bà O là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, theo giấy mượn tiền không đề ngày, tháng, năm nhưng nội dung có thể hiện ghi ngày 17 tháng 4 năm 2020, ông L mượn của bà Đỗ Thùy T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, ngày 01 tháng 6 năm 2021 ông L mượn thêm của bà T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả tiền ngày 31 tháng 8 năm 2021, lãi trả hàng tháng. Tuy tiêu đề là giấy mượn tiền nhưng thực tế là các bên vay tiền có thỏa thuận lãi suất. Bà T trình bày, do quá hạn ông L không trả nên bà T viết giấy mượn tiền thực tế ghi tháng 11 năm 2021, ông Trần Hữu Duy L đọc kỹ rồi ký và ghi họ tên ông L.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông L hợp lệ. Ông L biết nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tòa án cũng đã thông báo hợp lệ cho ông L tham gia phiên tòa hai lần nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy ông L không lên Tòa án trình bày ý kiến, mà chỉ có bên nguyên đơn cung cấp tờ giấy liên quan đến vay tiền. Để làm rõ sự việc đại diện Tòa án đến nhà ông L nhiều lần để làm việc nhưng ông L đều không có mặt. Tòa án đã làm việc với vợ ông L là bà O, bà O cho biết thời gian mượn tiền, số tiền mượn và mục đích mượn tiền bà O không biết nhưng sau khi ông L mượn tiền một thời gian thì mới được ông L cho biết là cho người bạn mượn lại, do người bạn không trả mà trốn đi nơi khác nên ông L mới về nói thì bà O mới biết là ông L có mượn tiền bà T chưa trả nên xác định ông L mượn tiền của bà T chưa trả là có thật. Như vậy, đến ngày 01 tháng 9 năm 2021, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn yêu cầu ông L phải trả cho bà T số tiền gốc, sau khi tính lại lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 26.000.000 đồng mà ông L đã trả cho bà T nên việc bà T khởi kiện là có căn cứ.

[2.3] Các bên thỏa thuận vay có lãi và có thời hạn 03 tháng, khi đến hạn trả nợ ngày 31 tháng 8 năm 2021 nhưng ông L không trả tiền gốc nên ông L thuộc trường hợp chậm trả, ông L phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu ông L trả cho bà T lãi suất do các bên thỏa thuận tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là phù hợp tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định: "*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*".

[2.4] Do bà T chỉ tính lãi từ ngày 01 tháng 9 năm 2021, trên số tiền gốc trừ đi số tiền mà ông L đã trả cho bà T. Bà T cho ông L vay từ ngày 17 tháng 4 năm 2020 số tiền gốc 100.000.000 đồng, đến tháng 5 năm 2021 ông L đã trả được 3.000.000 đồng tiền lãi, do không thể hiện ngày nào của tháng 5 trả tiền lãi nên tính lãi đến ngày 17 tháng 5 năm 2021, lấy trọn là 13 tháng. Tiền gốc 100.000.000 đồng X 1,67%/tháng X 13 tháng = 21.710.000 đồng.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, ông L vay thêm của bà T số tiền 50.000.000 đồng. Tổng tiền gốc đến ngày 01 tháng 6 năm 2021, ông L nợ của bà T là 150.000.000 đồng. Tháng 6 năm 2021, ông L đã trả cho bà T được 3.000.000 đồng nên tính lãi trên số tiền gốc 150.000.000 đồng, do không thể hiện ngày nào của tháng 6 trả tiền lãi đến 17 tháng 6 năm 2021, lấy trọn là một tháng. Tiền gốc 150.000.000 đồng X 1,67%/tháng X 1 tháng = 2.505.000 đồng.

Tính đến ngày 17 tháng 6 năm 2021, số lãi do các bên thỏa thuận theo mức lãi suất 1,67%/tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi trên số tiền tính trên số tiền gốc mà ông L vay của bà T là 21.710.000 đồng + 2.505.000 đồng = 24.215.000 đồng. Từ ngày 18 tháng 6 năm 2021, đến ngày 31 tháng 8 năm 2021, ông L không trả lãi cho bà T và bà T không yêu cầu tính lãi nhưng số tiền lãi trên số tiền gốc từ ngày 18 tháng 6 năm 2021, đến ngày 31 tháng 8 năm 2021 là 02 tháng + 13 ngày, cụ thể: 150.000.000 đồng X 1,67% X 02 tháng = 5.010.000 đồng; 150.000.000 đồng X 1,67% X 13 ngày : 30 = 1.085.500 đồng.

Tổng lãi 24.215.000 đồng + 6.095.500 đồng = 30.310.500 đồng. Do ông L thực tế chỉ mới trả cho bà T được số tiền lãi 6.000.000 đồng nên không khấu trừ vào số tiền gốc.

[2.5] Bà T yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận từ ngày 01 tháng 9 năm 2021 với lãi suất 1,67%/tháng. Ngày 16 tháng 12 năm 2021, ông L trả tiếp tiền lãi 20.000.000 đồng. Thời hạn tính tiền gốc 150.000.000 đồng từ ngày 01 tháng 9 năm 2021 đến ngày 16 tháng 12 năm 2021 X 03 tháng + 16 ngày, cụ thể: 150.000.000 đồng X 1,67% X 3 tháng = 7.515.000 đồng; 150.000.000 đồng X 1,67% X 16 ngày : 30 = 1.336.000 đồng. Tổng lãi 7.515.000 đồng + 1.336.000 đồng = 8.851.000 đồng.

Do số tiền lãi của 03 tháng + 16 ngày tính lãi suất các bên thỏa thuận là 8.851.000 đồng, mà trả 20.000.000 đồng tiền lãi là vượt quá giới hạn của luật định

nên được tính lại như sau: 20.000.000 đồng - 8.851.000 đồng = 11.149.000 đồng, số tiền 11.149.000 đồng được trừ vào số tiền gốc.

Tổng gốc còn lại 150.000.000 đồng - 11.149.000 đồng = 138.851.000 đồng.

Từ ngày 16 tháng 12 năm 2021, số tiền gốc còn lại 138.851.000 đồng, lãi tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2021 đến 16 tháng 5 năm 2023 là 17 tháng, cụ thể: 138.851.000 đồng X 1,67% X 17 tháng = 39.419.800 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 138.851.000 đồng + 39.419.800 đồng = 178.270.800 đồng.

[2.6] Từ những căn cứ và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa và đề nghị của Kiểm sát viên. Do đó, việc khởi kiện của bà Đỗ Thùy T yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Hữu Duy L phải trả cho bà T số tiền 178.270.800 đồng (trong đó tiền gốc 138.851.000 đồng + tiền lãi 39.419.800 đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Tại phiên tòa người đại diện cho bà Đỗ Thùy T rút phần khởi kiện bổ sung việc bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thúy O liên đới cùng ông Trần Hữu Duy L trả nợ cho bà T. Do vậy, đình chỉ việc bà Đỗ Thùy T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thúy O liên đới cùng ông Trần Hữu Duy L trả nợ cho bà T.

[2.8] Về án phí: Ông Trần Hữu Duy L phải chịu 8.913.540 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thùy T đối với ông Trần Hữu Duy L.

1. Buộc ông Trần Hữu Duy L phải trả cho bà Đỗ Thùy T số tiền 178.270.800 (Một trăm bảy tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc bà Đỗ Thùy T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thúy O liên đới cùng ông Trần Hữu Duy L trả nợ cho bà Đỗ Thùy T.

3. Về án phí: Ông Trần Hữu Duy L phải nộp 8.913.540 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thùy T 4.501.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0011488 ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

4. Án xử sơ thẩm báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hánh án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHA huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Đức